**TẬP 27**

**Chương trình Tiếng Hàn cơ bản**

**Cùng nói tiếng Hàn!**

**Tập 27 - Chủ đề XƯNG HÔ GIA ĐÌNH**

| 1. **HỘI THOẠI 1** |
| --- |
| **#Ở nhà**  Linh Chi gọi điện thoại cho chị Hà  - **Linh Chi**: 탄하 언니, 지금 시간이 있어? Chị Hà, giờ chị rảnh không?  - **Hà**: 어, 시간이 있는데 왜? 난 지금 점심을 먹으려고 하는데. Ờ, chị rảnh thôi, nhưng mà sao thế? Bây giờ, chị đang định đi ăn trưa đây.  - **Linh Chi**: 오, 좋아! 며칠 동안 고향 생각이 계속 나는데, 베트남 음식을 같이 먹으러 갈까? Ô, tốt quá! Mấy ngày nay em cứ nhớ về quê nhà, hay mình cùng đi ăn món ăn Việt Nam nhé?  - **Hà**: 좋아. 그런데 왜 수하오와 해영은 안 불러? Được thôi. Nhưng sao em không rủ Su Hào và Hải Anh?  - **Linh Chi**: 바쁘대. 둘이 요즘 수상해. 만나서 얘기해 줄게. Các bạn ý bảo bận. Dạo này hai đứa đó kỳ lắm. Mình gặp nhau đi rồi em kể cho.  - **Hà**: 그래. 그런데 어디로 가지? Được thôi. Mình đi đâu nhỉ?  - **Linh Chi**: 어, 언니가 정해 줘. Ơ, chị quyết định giúp đi mà.  - **Hà**: 요즘 한국에도 베트남 식당이 많아. Dạo này ở Hàn Quốc cũng có nhiều nhà hàng Việt Nam đấy.  - **Linh Chi**: 한국 사람이 베트남 음식을 좋아해? Người Hàn Quốc có thích đồ ăn Việt Nam không?  - **Hà**: 응, 베트남 음식은 건강식으로 알려져 있어. 특히 여성들이 다이어트 식품으로 베트남 음식을 즐겨 먹어.  Ừm. Đồ ăn Việt Nam được biết đến là tốt cho sức khoẻ. Đặc biệt nữ giới ăn những món ăn Việt Nam một cách vui vẻ như là đang ăn đồ ăn kiêng.  - **Linh Chi**: 그럼 요리도 한국 사람이 해? Nếu vậy thì cũng là người Hàn Quốc chế biến món ăn à?  - **Hà**: 응, 베트남 사람이 요리하는 식당도 있지만, 한국 사람이 직접 베트남 음식을 요리하는 식당도 많아. Ừm, cũng có những nhà hàng do người Việt Nam nấu nhưng cũng nhiều nhà hàng mà chính tay người Hàn Quốc nấu nướng.  - **Linh Chi**: 그래, 재미있겠다. Ồ, vậy thì chắc thú vị lắm nhỉ?  - **Hà**: 주소를 보내 줄게. 이따 만나. Để chị gửi địa chỉ cho. Lát gặp nhé.  **#Nhà hàng**  (식당에 도착)  (Đến nhà hàng)  - **Linh Chi**: 탄하 언니, 안녕! 어, 뚜안 오빠? 안녕? Chị Thanh Hà, chào chị! Ơ, anh Tuấn Anh? Chào anh!  - **Hà**: 집에 나갈 때 뚜안을 만나서 같이 왔어. 괜찮지? Lúc chị đi ra ngoài thì gặp Tuấn Anh nên rủ cậu ấy đi cùng luôn. Không sao chứ?  - **Linh Chi**: 사람이 더 많으면 더 많은 음식을 시킬 수 있어. Có càng nhiều người thì lại gọi được càng nhiều món ăn chứ sao.  - **Hà**: 그렇지? 나도 그런 생각이야. 들어가자. Đúng nhỉ! Chị cũng nghĩ như thế đấy. Đi vào thôi.  - **주인(Miki)**: 어서오세요. 세 분이세요? Xin mời vào. Có ba người phải không ạ?  - **Tuấn Anh**: 네, 세 명이에요. Vâng, là 3 người ạ.  **주인(Miki)**: 이쪽으로 앉으세요. 메뉴 고르시고, 주문하세요. Xin mời ngồi phía bên này. Các bạn cứ chọn món rồi gọi nhé.  - Chủ quán nhìn thấy Hà, phát hiện ra khách quen/ 주인은 단골인 탄하 발견.  - **주인은 탄하를 보면서** : 오, 안녕하세요.  - **Hà**: (인사) : 이모, 안녕하세요~ Dì ơi, chào dì ạ.  - **주인:** 또 오셨군요. 세명이세요? Ô, xin chào. Có 3 người phải không?  - **Hà**: (주인을 보면서) 네, 세명이에요. 제 친구와 후배예요. (Nhìn chủ quán nói) Vâng, ba người ạ. Đây là bạn cháu và em khóa dưới ạ.  - **주인:** 안녕하세요. Chào hai cháu.  - **Tuấn Anh & Chi**: 안녕하세요. Xin chào ạ.  - **주인:** 메뉴 고르시고 주문하세요. Các cháu xem menu rồi gọi món nhé.  - **Hà**: (친구들 보면서) 이거 먹자, 이게 우리 고향 음식이야. (Nhìn các bạn nói) Mình ăn cái này trước đi, cái này là đồ ăn quê chị đấy.  (주인을 보면서) 이모, 저 ‘banh xeo’ 주문할게요! (Nói với chủ quán) Dì ơi, cho chúng cháu gọi món bánh xèo ạ.  - **주인:** 오, 알겠습니다, ‘banh xeo’. Ồ, dì biết rồi, bánh xèo. 좀 기다려 주세요. Các cháu chờ chút nhé.  - **Ba bạn**: 네. Vâng ạ.  (친구들 보면서) 나 화장실 갔다 올게. (Nói với các bạn) Tớ đi toilet chút rồi quay lại.  (말하고 화장실로 사라짐)  (Đi về phía toilet)  *Hà đi khỏi chỉ còn Linh Chi và Tuấn Anh, hai bạn sẽ hơi ngại ngại chút, nhưng sau đó vì có chung thắc mắc nên quên ngại luôn*.  - **Linh Chi**: (둘이 수근수근) 이모? 이모? (2 người bàn tán) Dì? Dì?  - **Tuấn Anh**: 방금 이모라고 했지? Vừa rồi cậu ấy gọi là dì nhỉ?  - **Linh Chi**: 탄하 언니의 이모야? 몰랐는데? 설마, 그럴 리가 없는데. 저 사람이 탄하 언니니의 이모라면 해영의 이모인데 내가 모를 리가 없어. Dì của Thanh Hà á? Em không biết? Chẳng lẽ nào, không có chuyện đó đâu. Người đó mà là dì của Thanh Hà thì cũng là dì của Hải Anh, làm gì có chuyện em không biết.  **(다른 사람들이 식당에 들어오면서 인사)**  **Những người khác đi vào và chào chủ quán**  **- 손님1 (Lan)**: 이모 안녕하세요? 밥 먹으러 왔어요! Dì ơi chào dì ạ. Bọn con tới để ăn cơm đây.  **- 주인(Miki)**: 네, 어서오세요! Vâng, xin mời vào.  **- 손님2 (Thu)**: 이모, 그동안 잘 계셨죠? Dì ơi, thời gian qua dì khoẻ chứ ạ?  **- 주인(Miki)**: 네, 잘 지냈어요. 저쪽에 앉으세요. (다른 손님들은 사라짐) Vâng, tôi ổn. Xin mời ngồi ở đằng kia. (Hình ảnh khách hàng khuất dần đi vào chỗ của mình)  (놀라고 황당한 표정으로)  (Biểu cảm ngạc nhiên và bối rối)  *Đoạn này Linh Chi và Tuấn Anh diễn hơi ngạc nhiên và bối rối hơi cường điệu một chút~*    - **Tuấn Anh**: 어? 뭐야? 저 사람들도 이모라고 말하네? 도대체 누구의 이모야? Ớ? Gì thế này? Người kia cũng gọi chủ quán là dì? Cuối cùng thì là dì của ai nhỉ?  - **Linh Chi**: 이모가 이모 아니야? 또 다른 ‘이모’가 있어? 이모 뜻이 정확히 뭐였지? ‘Dì’ không phải là ‘dì’ à? Lại còn có ‘dì’ khác à? Vậy nghĩa chính xác của “이모” là gì nhỉ?  - **Tuấn Anh**: 이모는… 어머니의 여자 형제, 어머니의 여동생이나 언니잖아. “이모” là chị em gái của mẹ, tức là chị gái hoặc em gái của mẹ mà.  - **Linh Chi**: 이모의 뜻이 바뀌었나? Nghĩa của từ 이모 đã bị biến đổi à?  - **Tuấn Anh**: 바뀌었을 리가 없지. 그런데 방금 들어온 사람들도 식당 주인에게 이모라고 했어. 그렇다면 방금 들어온 사람들도 탄하의 가족이야야? Không, chẳng có lý gì bị biến đổi như thế. Nhưng mà người vừa mới vào lúc nãy cũng gọi chủ quán là dì. Nếu thế thì những người vừa mới đi vào cũng là dì của Thanh Hà?  - **Linh Chi**: 아니야, 방금 들어온 저 사람들이 탄하 언니의 가족일 리가 없어. Không, chẳng có lý gì mà những người vừa mới vào lại là họ hàng của chị Thanh Hà.  (이모가 음료수를 갖다줌) Dì mang đồ uống ra  **- 주인(Miki): 콜라 드실래요? 사이다 드실래요? Cháu uống Coca không? Hay là Sprite?**  - Linh Chi: 콜라요. 그런데 저희는 음료수를 주문하지 않았어요. Cháu uống Coca ạ. Nhưng bọn cháu không gọi nước ah.  - 주인(Miki): 서비스입니다. 공짜예요. Là 서비스. Tức là miễn phí đấy.  - **Tuấn Anh**: 감사합니다. Cháu cảm ơn ạ.  - **Linh Chi**: 실례지만, 하나만 물어봐도 괜찮아요?? Cháu xin lỗi nhưng mà cháu có thể hỏi một chuyện được không ạ?  **- 주인(Miki):** 그럼요. Đương nhiên rồi.  - **Linh Chi**: 혹시 성함이, 이모세요? 아니면 탄하 언니의 이모세요? Cô tên là Imo ạ? Hay cô là dì của chị Thanh Hà ạ?  **- 주인(Miki):** 뭐라고요? 이모? Gì cơ? Imo á?  - **Tuấn Anh**: 네, 탄하의 이모, 그리고 저 손님들의 이모세요? Vâng, cô vừa là dì của Thanh Hà, và cũng là dì của những vị khách kia đúng không ạ?  **- 주인(Miki):** 아? 이모? 네, 네, 저는 모든 손님들의 이모입니다. À, Imo? Đúng rồi, đúng rồi, cô là dì của tất cả khách ở đây mà.  (탄하 돌아옴)  (Thanh Hà quay trở lại)  - **Hà**: 왜? 무슨 일이야? 무슨 이야기를 심각하게 하는 거야? Sao thế? Có chuyện gì à? Có chuyện gì mà có vẻ nghiêm trọng thế?  - **Tuấn Anh**: 저… 궁금한 것이 있는데, 탄하는 한국 사람이야? À, tớ có việc tò mò chút. Thanh Hà ơi, cậu là người Hàn Quốc à?  - **Linh Chi**: 아니야, 그럴 리가 없지. Không đâu, không có chuyện đấy đâu.  **- Hà**: 응? 무슨 말이야? 나는 탄하잖아. 베트남 사람이지. 몰라? Cái gì? Cậu nói gì thế? Tớ là Thanh Hà. Là người Việt Nam chứ. Cậu không biết à?  **- Linh Chi**: 식당 주인은, 언니가 이모라고 불렀을 때 대답했어. 그리고, 방금 식당 주인도 자기를 이모라고 했어. Chủ quán, khi mà chị gọi là dì thì cũng đã đáp lời. Và, vừa xong chủ quán cũng bảo mình là dì.  **- Hà**: 응? 뭐라고? (아직 상황 이해 못하고 황당해하는 표정) Cái gì? Nói gì thế? (Thanh Hà bộc lộ biểu cảm hoang mang chưa hiểu tình huống)  **- Tuấn Anh**: 진짜 이모야? 탄하는 베트남 사람인데 어떻게 이모가 한국 사람일 수 있어? Là dì thật á? Sao cậu là người Việt Nam mà dì cậu là người Hàn Quốc à?  **- Linh Chi**: 방금 들어온 다른 손님들이, 식당 주인에게 이모라고 했어. Những người khách vừa mới vào cũng gọi chủ quán là dì.  - **Tuấn Anh**: 그럼 방금 들어온 손님들이 탄하의 가족이야? 오늘 여기에서 탄하의 가족들이 모이는 거야? Nếu vậy thì những người khách vừa mới vào cũng là gia đình của cậu à? Hôm nay là buổi tụ họp gia đình cậu ở đây à?  - **Hà**: 잠깐만, 잠깐만, 천천히 말해 봐. Chờ chút, chờ chút, các cậu nói từ từ thôi nào.  - **주인(Miki)**: 에이구, 나보고 이모냐고 해서 “이모다”라고 했지요. 콜라 먼저 드시고 주문한 음식을 갖다 줄게요. 예쁜 아가씨가 친구들에게 잘 설명해 주세요.(부엌으로 감) Aigu, các bạn cháu hỏi tôi là có phải dì không, nên tôi bảo là tôi là dì đấy. Các cháu uống Coca trước rồi dì sẽ mang những món đã gọi ra nhé. Cháu gái xinh đẹp, hãy giải thích cho các bạn đi nhé. (Dì nói rồi đi vào bếp).  - **Hà**: 이모? 아, 아, 이제 이해했다.  - **Linh Chi**: 언니, 빨리 말해 줘. 어떻게 된 거야?  - **Hà**: 너희가 무슨 말 하는지 이제야 알겠다. Imo? À, à, bây giờ thì tớ đã hiểu rồi. Giờ tớ đã biết các cậu nói gì rồi.  - **Linh Chi**: 빨리 말해 봐. Chị nói nhanh lên đi.  - **Tuấn Anh**: 여기 식당 주인은 진짜 탄하의 이모야? 그리고 방금 들어온 사람들이 탄하의 가족이야? Chủ quán này là dì của cậu thật á? Và những vị khách mới vào cũng là gia đình của cậu à?  - **Hà**: 저 이모가 진짜 나의 이모일 리가 없지, 바보야. 한국에서는 친근감을 높이기 위해 실제 가족이 아닌 사람에게도 가족 호칭을 사용해서 부를 때가 있어. Chẳng có lý gì mà dì kia lại là dì của tớ cả, mấy cậu ngốc ạ. Ở Hàn Quốc người ta thường sử dụng cách xưng hô như gia đình đối với cả những người không phải là gia đình để cảm giác gần gũi thân thiết hơn.  - **Tuấn Anh**: 뭐? 가족이 아닌데 가족 호칭을 사용한다고? Cái gì? Không phải gia đình nhưng xưng hô như gia đình?  - **Hà**: 응, 실제 가족은 아니지만, 가족처럼 친근한 느낌으로 대화하기 위해서 ‘이모’나 ‘삼촌’이라고 부를 때가 있어.Ừm. Trên thực tế không phải gia đình nhưng cũng có những lúc lại gọi là ‘dì’ là ‘cậu’ để cảm giác gần gũi thân thiện hơn như đang nói chuyện với gia đình.  - **Linh Chi**: 그런 거야? Thế á?  - **Tuấn Anh**: 그랬구나. 나는 탄하가 한국에 가족이 있는 줄 알았어. Hoá ra là vậy. Tớ lại cứ tưởng gia đình của Thanh Hà đang ở Hàn Quốc cơ.  - **Linh Chi** (nói với Tuấn Anh): 내가 말했잖아. 탄하 언니의 이모일 리가 없지. Em nói rồi còn chị. Không thể nào có chuyện là dì của chị Thanh Hà.  - **Hà**: 해영이 말고 한국에 가족이 또 있을 리가 없지. 뭐, 한국에 처음 온 외국인들은 종종 오해할 때가 있어. Làm gì có chuyện tớ còn có người thân khác ngoài Hải Anh ở Hàn Quốc chứ. Thi thoảng cũng có những người nước ngoài lần đầu tới Hàn Quốc hiểu nhầm như thế.  - **주인(Miki)**: 이모가 또 왔습니다. 주문하신 음식 나왔습니다. (수북하게 쌓인 음식) Dì lại đến rồi đây. Món ăn các bạn gọi đã có rồi đây. (Hình ảnh nhiều đồ ăn/ xếp ảnh đồ họa của món ăn trước mặt các bạn)  - **Linh Chi**: 와! 이렇게 많아요? Ồ, nhiều thế này cơ ạ?  - **주인 (Miki)**: 네, 외국에서 온 유학생이니까 많이 줬어요! Vâng, vì là sinh viên nước ngoài nên tôi đã làm nhiều hơn đó.  - **Tuấn Anh**: 이모, 감사합니다! Cảm ơn dì ạ!  - **Linh Chi**: 진짜 이모 같아요! Cảm giác như là dì thật sự luôn.  - **Hà**: 그렇지? Đúng thế nhỉ? 잘 먹겠습니다! Chúng cháu sẽ ăn ngon ạ.  - **Linh Chi**: 와! 맛있다! Oà, ngon thế.  - **Hà**: 당연하지, 이모가 만들어 준 음식인데 맛이 없을 리가 없지! Đương nhiên rồi, là món ăn của dì làm cho chẳng có lý gì mà lại không ngon được!  Ba bạn vui vẻ ăn, kết! |
| 1. **TRANH LUẬN** |
| 토론 : 가족 아닌 사람에게 가족 호칭을 사용해도 괜찮다 VS 그렇지 않다.  Thảo luận: Đồng ý hay tán thành việc sử dụng cách xưng hô trong gia đình với người không phải họ hàng  **MC Hà**  한국어와 한국 문화에서는 ‘우리’의식이 강하다고 합니다. Trong tiếng Hàn, văn hoá Hàn, ý thức cộng đồng được nhấn mạnh qua biểu hiện “chúng ta”.  또한 한국은 가족을 중시하는 문화가 있어서 가족이 아닌 다른 사람에게도 가족 호칭을 붙여 부르는 경우가 많죠.  Ngoài ra, Hàn Quốc là một quốc gia coi trọng gia đình, nên nhiều khi ngay cả với những người không phải là gia đình, họ cũng sử dụng các biểu hiện xưng hô trong gia đình.  저는 한국 문화가 반영된 자연스러운 모습이라고 생각합니다.  Mình nghĩ rằng đây là một biểu hiện tự nhiên phản ánh văn hóa Hàn Quốc.  **MC Miki**  문화의 영향을 받아서 그렇게 말하는 것은 이해합니다. Mình hiểu việc nói như vậy là do ảnh hưởng của văn hóa. 하지만 진짜 가족이 아닌데 굳이 가족 호칭을 붙여 상대방을 부를 필요가 없다고 생각합니다. Tuy nhiên, mình nghĩ rằng không nhất thiết phải gắn các danh xưng dùng trong gia đình để gọi những người không phải là gia đình thực sự.  **MC Hà**  인간 관계에서 꼭 필요한 것 중 하나는 친밀감이죠. Một trong những điều cần thiết trong các mối quan hệ giữa người với người là sự gắn bó thân thiết.  처음 만난 사람이나 아직 관계가 서먹한 사람을 부를 때 친근한 표현을 사용한다면 보다 쉽게 가까워질 수 있지 않을까요? Khi gọi một người mới gặp hoặc một người mà quan hệ còn chưa thân thiết, nếu sử dụng các biểu hiện thân mật, chẳng phải sẽ dễ dàng trở nên gần gũi hơn sao?  다른 사람에게 가족 호칭을 사용해 상대방과 친밀감을 높일 수 있다면 사용할 만하죠. Nếu việc sử dụng danh xưng gia đình có thể tăng cường sự thân thiết, gần gũi với đối phương thì cũng là những biểu hiện nên sử dụng mà.  **MC Miki**  친밀감이 중요하다고 해서 모든 경우에 가족 호칭을 붙여 사용할 건가요? Thế chỉ vì coi trọng cái cảm giác thân thiết mà cậu định gắn thêm những cách gọi chỉ dùng trong gia đình để dùng trong mọi trường hợp á?  격식과 상황에 맞는 알맞은 호칭을 사용할 줄 알아야 하는 것이 아닐까요? Chẳng phải chúng ta nên biết sử dụng danh xưng phù hợp với nghi thức và tình huống sao?  친밀감만 따진다면, 엄마, 아빠라고 부르면 다 해결되겠군요? Nếu chỉ nghĩ đến sự thân thiết rồi gọi là mẹ là bố thì mọi thứ đều được giải quyết chắc?  **MC Hà**  물론 격식과 상황도 중요하지만, 일상적인 만남 가운데서는 좀 더 가벼운 마음으로 친밀감을 높여야 할 때도 있습니다. Tất nhiên, nghi thức và hoàn cảnh cũng quan trọng, nhưng trong những cuộc gặp gỡ hằng ngày, đôi khi cũng cần có tâm thế nhẹ nhàng hơn để tăng cường sự thân mật.  특히 한국어의 경우는 2인칭 대명사가 많지 않기 때문에, 상대방에 대한 호칭이 애매할 때가 많습니다. Đặc biệt, trong tiếng Hàn không có nhiều đại từ nhân xưng ngôi thứ hai, nên đôi khi việc xưng hô với người khác trở nên mơ hồ.  그때 나와 상대방 모두에게 익숙한 가족 호칭을 사용하면 거부감이 덜하지 않을까요?  Lúc đó, nếu sử dụng danh xưng gia đình mà cả mình và đối phương đều cảm thấy quen thuộc thì chẳng phải sẽ ít gây cảm giác khó chịu hơn sao?  **MC Miki**  아무리 그래도, 모르는 사람, 처음 보는 사람에게 이모 삼촌이라고 부르는 것은 되도록 안 하는 것이 좋다고 생각합니다. Dù sao đi nữa, mình nghĩ rằng nếu được thì tốt hơn là không nên gọi người không quen biết hay người lần đầu gặp là dì là chú.  오히려 다른 사람에게 ‘진짜 가족일까?’ 하는 혼동을 줄 수도 있습니다.  Ngược lại, điều này thậm chí còn có thể khiến người khác bị hoang mang và tự hỏi “Liệu đây có phải là người trong gia đình không nhỉ?  **MC Hà**  (남자 연예인 사진 보여주며) 그럼, 이 사람은 어떻게 부를 거예요?  (Chiếu tấm ảnh của nam nghệ sĩ) Nếu vậy thì, phải gọi người này như thế nào?  **MC Miki**  앗! 해인 오빠다! Á! Là anh Hae In!  **MC Hà**  방금 오빠라고 말했죠? Vừa rồi cậu gọi là anh phải không?  오빠라는 말도 사실은 가족 호칭이라는 것은 모르셨나 봐요? Hình như cậu không biết anh cũng là cách xưng hô trong gia đình thì phải?  정해인이 왜 미키 씨의 오빠예요? Tại sao Jung Hae In lại là anh cậu?  오빠를 빼고 불러 보세요. Cậu bỏ từ ‘anh’ đi mà gọi xem nào. 뭐라고 부를 건가요? Phải gọi là gì nhỉ?  해인 아저씨? 해인님? 어떻게 불러야 될 지 어려울걸요? Là chú Hae In? Là ngài Hae In? Thật khó để biết gọi là gì đúng không?  **MC Miki**  에잉, 정해인은 잘생겼으니까 빼 주세요. 오빠라고 해야 어울려요!  Ầy, vì Jung Hae In đẹp trai nên loại trừ đi. Gọi là anh thì mới đúng chứ! |
|  |
|  |